

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

Công trình: Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng không gian văn hóa Hre tại thôn Thượng đổ, xã Thanh An

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 06 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Số đã thẩm tra quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng (đến ngày 09/6/2025)	Công nợ đến thời điểm kiểm tra		Chênh lệch
						Phải thu	Phải trả	
1	2	3	4	5	6	7= (6)-(5)	8= (5)-(6)	9=(5)-(4)
	Tổng số	`	1.928.804.436	1.928.804.436	1.928.804.436	-	-	-
I	Chi phí xây dựng		980.889.000	980.889.000	980.889.000		0	-
	Chi phí xây dựng	Công ty TNHH MTV Xây dựng Huỳnh Lêc	980.889.000	980.889.000	980.889.000		0	
II	Quản lý dự án	Công ty TNHH MTV Xây dựng Tân Hiệp Long	30.728.000	30.728.000	30.728.000		0	
III	Chi phí tư vấn		272.346.000	272.346.000	272.346.000	-	-	-
`1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình	Công ty TNHH Tư vấn Tổng hợp Bình Minh	129.599.000	129.599.000	129.599.000		-	
2	Chi phí giám sát công trình	Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Hợp Tính Nghĩa	32.221.000	32.221.000	32.221.000		0	
3	Tư vấn đo đạc, trích lục bản đồ địa chính và cắm mốc giải phòng mặt bằng	Công ty TNHH Kỹ thuật Đo đạc địa chính Quảng Ngãi	110.526.000	110.526.000	110.526.000			
IV	Thiết bị		60.000.000	60.000.000	60.000.000			
	Tư vấn thẩm định thiết bị	Công ty CP Định giá và Tư vấn Đầu tư Đà Nẵng	3.300.000	3.300.000	3.300.000			

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Số đã thẩm tra quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng (đến ngày 09/6/2025)	Công nợ đến thời điểm kiểm tra		Chênh lệch
						Phải thu	Phải trả	
1	2	3	4	5	6	7= (6)-(5)	8= (5)-(6)	9=(5)-(4)
	Cung cấp thiết bị	Cửa hàng Thời trang Huỳnh gia	56.700.000	56.700.000	56.700.000			
V	Chi phí khác		14.438.000	14.438.000	14.438.000	-	-	-
1	Chi phí thẩm định báo cáo BCKTKT	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện Minh Long	3.426.000	3.426.000	3.426.000		0	
2	Chi phí thẩm tra quyết toán	Phòng Tài chính- Kế hoạch	11.012.000	11.012.000	11.012.000		0	-
VI	Chi phí bồi thường	phòng Văn hóa- Thông tin	570.403.436	570.403.436	570.403.436			

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
Công trình: Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng không gian văn hóa Hre tại thôn Thượng đồ,
xã Thanh An

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 06 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long)

Đơn vị: đồng

STT	DANH MỤC	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Chênh lệch giữa giá trị thẩm tra và dự toán	Chênh lệch giữa giá trị thẩm tra và Chủ đầu tư trình
1	2	3	4	5	6=5-3	7=(5)-(4)
	TỔNG SỐ:	2.497.000.000	1.932.042.436	1.928.804.436	-205.237.361	
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	951.527.237	570.403.436	570.403.436	-18.165.598	
II	Chi phí xây dựng	999.054.598	980.889.000	980.889.000	-18.165.598	0
1	Chi phí xây dựng	999.054.598	980.889.000	980.889.000	-18.165.598	
III	Chi phí quản lý dự án xây dựng	31.297.656	30.728.000	30.728.000	-569.656	0
IV	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	280.737.923	272.346.000	272.346.000	-8.391.923	
V	Chi phí thiết bị	60.000.000	60.000.000	60.000.000		
VI	Chi phí khác	151.076.752	17.676.000	14.438.000	-136.638.752	0
1	Chi phí thẩm định BCKT-KT, thiết kế BVTC và dự toán	3.426.752	3.426.000	3.426.000	-752	
2	Chi phí nộp tiền lúa	68.400.000	-	-	-68.400.000	
3	Chi phí đánh giá tác động môi trường	65.000.000	-	-	-65.000.000	
4	Chi phí thẩm tra quyết toán công trình	14.250.000	14.250.000	11.012.000	-3.238.000	
VII	Dự phòng chi	23.305.834	0	0	-23.305.834	0

UBND HUYỆN MINH LONG
PHÒNG TÀI CHÍNH- KẾ HOẠCH

PHỤ LỤC 01

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Công trình: Chỉnh trang, trồng hoa tuyến đường từ trung tâm xã Thanh An lên đến Thôn Thượng Đổ, xã Thanh An

(Kèm theo Báo cáo /BC-TCKH ngày tháng 06 năm 2025 của Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Minh Long)

Đơn vị: đồng

STT	DANH MỤC	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Chênh lệch giữa giá trị thẩm tra và dự	Chênh lệch giữa giá trị thẩm tra và
1	2	3	4	5	6=5-3	7=(5)-(4)
	TỔNG SỐ:	1.200.000.000	1.135.876.000	1.135.876.000	-59.124.000	0

1	Chi phí xây dựng	717.017.727	717.017.000	717.017.000	-727	
II	Chi phí quản lý dự án xây dựng	26.318.918	26.318.000	26.318.000	-918	0
III	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	134.326.573	122.404.000	122.404.000	-6.922.573	0
1	Chi phí khảo sát xây dựng	40.434.529	97.262.000	97.262.000	-1.795	
2	Chi phí lập hồ sơ Báo cáo KTKT	56.829.266				
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật	4.639.716	0	0	-4.639.716	
4	Chi phí lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	2.281.011	0	0	-2.281.011	
4.1	Chi phí lập hồ sơ yêu cầu	1.026.456	0	0	-1.026.456	
4.2	Chi phí đánh giá hồ sơ đề xuất	1.254.555	0	0	-1.254.555	
5	Chi phí thẩm định giá	5.000.000				
6	Chi phí giám sát thi công XD công trình	25.142.051	25.142.000	25.142.000	-51	
IV	Chi phí khác	12.340.000	7.340.000	7.340.000	-5.000.000	0
1	Chi phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	500.000	500.000	500.000	0	
2	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.000.000	-	-	-3.000.000	
3	Chi phí thẩm định hồ sơ yêu cầu	2.000.000	-	-	-2.000.000	
4	Chi phí thẩm tra quyết toán công trình	6.840.000	6.840.000	6.840.000	0	
V	Dự phòng chi	47.199.580	0	0	-47.199.580	0
V	Dự phòng chi	24.738.058	0	0	-24.738.058	0

UBND HUYỆN MINH LONG
PHÒNG TÀI CHÍNH -KẾ HOẠCH

PHỤ LỤC 02

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

Công trình: Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng không gian văn hóa Hre tại thôn Thượng đổ, xã Thanh An

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH ngày tháng 6 năm 2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Minh Long)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Số đã thẩm tra quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng (đến ngày 09/6/2025)	Công nợ đến thời điểm kiểm tra		Chênh lệch
						Phải thu	Phải trả	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7= (6)-(5)</i>	<i>8= (5)-(6)</i>	<i>9=(5)-(4)</i>
	Tổng số	`	1.928.804.436	1.928.804.436	1.928.804.436	-	-	-
I	Chi phí xây dựng		980.889.000	980.889.000	980.889.000		0	-
	Chi phí xây dựng	Công ty TNHH MTV Xây dựng Huỳnh Lêc	980.889.000	980.889.000	980.889.000		0	
II	Quản lý dự án	Công ty TNHH MTV Xây dựng Tân Hiệp Long	30.728.000	30.728.000	30.728.000		0	
III	Chi phí tư vấn		272.346.000	272.346.000	272.346.000	-	-	-
`1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình	Công ty TNHH Tư vấn Tổng hợp Bình Minh	129.599.000	129.599.000	129.599.000		-	
2	Chi phí giám sát công trình	Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Hợp Tính Nghĩa	32.221.000	32.221.000	32.221.000		0	
3	Tư vấn đo đạc, trích lục bản đồ địa chính và cắm mốc giải phóng mặt bằng	Công ty TNHH Kỹ thuật Đo đạc địa chính Quảng Ngãi	110.526.000	110.526.000	110.526.000			
IV	Thiết bị		60.000.000	60.000.000	60.000.000			

	Tư vấn thẩm định thiết bị	Công ty CP Định giá và Tư vấn Đầu tư Đà Nẵng	3.300.000	3.300.000	3.300.000			
	Cung cấp thiết bị	Cửa hàng Thời trang Huỳnh gia	56.700.000	56.700.000	56.700.000			
V	Chi phí khác		14.438.000	14.438.000	14.438.000	-	-	-
1	Chi phí thẩm định báo cáo BCKTKT	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện Minh Long	3.426.000	3.426.000	3.426.000		0	
2	Chi phí thẩm tra quyết toán	Phòng Tài chính- Kế hoạch	11.012.000	11.012.000	11.012.000		0	-
VI	Chi phí bồi thường	phòng Văn hóa- Thông tin	570.403.436	570.403.436	570.403.436			

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Công trình: Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng không gian văn hóa Hre tại thôn Thượng đổ,
xã Thanh An

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH ngày tháng 6 năm 2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: đồng

STT	DANH MỤC	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Chênh lệch giữa giá trị thẩm tra và	Chênh lệch giữa
1	2	3	4	5	6=5-3	7=(5)- (4)
	TỔNG SỐ:	2.497.000.000	1.932.042.436	1.928.804.436	-205.237.361	
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	951.527.237	570.403.436	570.403.436	-18.165.598	
II	Chi phí xây dựng	999.054.598	980.889.000	980.889.000	-18.165.598	0
1	Chi phí xây dựng	999.054.598	980.889.000	980.889.000	-18.165.598	
III	Chi phí quản lý dự án xây dựng	31.297.656	30.728.000	30.728.000	-569.656	0
IV	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	280.737.923	272.346.000	272.346.000	-8.391.923	
V	Chi phí thiết bị	60.000.000	60.000.000	60.000.000		
VI	Chi phí khác	151.076.752	17.676.000	14.438.000	-136.638.752	0
1	Chi phí tham định BCKT- KT, thiết kế BVTC và dự toán	3.426.752	3.426.000	3.426.000	-752	
2	Chi phí nộp tiền lúa	68.400.000	-	-	-68.400.000	
3	Chi phí đánh giá tác động môi trường	65.000.000	-	-	-65.000.000	
4	Chi phí thẩm tra quyết toán công trình	14.250.000	14.250.000	11.012.000	-3.238.000	
VII	Dự phòng chi	23.305.834	0	0	-23.305.834	0
IV	Chi phí khác	12.340.000	7.340.000	7.340.000	-5.000.000	0
1	Chi phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	500.000	500.000	500.000	0	
2	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.000.000	-	-	-3.000.000	
3	Chi phí thẩm định hồ sơ yêu cầu	2.000.000	-	-	-2.000.000	
4	Chi phí thẩm tra quyết toán công trình	6.840.000	6.840.000	6.840.000	0	
V	Dự phòng chi	47.199.580	0	0	-47.199.580	0